

Trong thời gian chiến tranh, Việt Nam đã thắng nhờ tập trung tối đa nội lực quốc gia vào việc kháng chiến cứu quốc. Trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, Việt Nam cũng có thể hoàn thành xuất sắc mục tiêu nếu dồn ưu tiên và toàn bộ nội lực quốc gia cho mục tiêu cơ bản này. Đây là lý thuyết chọn lựa trong kinh tế học.

1. Phương pháp chọn lựa việc sử dụng nội lực quốc gia

Phương pháp chọn lựa việc sử dụng nội lực quốc gia căn cứ trên các quân bình bắt buộc suy từ bản kế toán quốc gia:

$$\text{Tổng Cung} = \text{GDP} + \text{Nhập Khẩu} = \text{Xuất Khẩu} + \text{Tiêu Dùng} + \text{Đầu Tư} \quad (1)$$

Quân bình trong phương trình (1) có tính bắt buộc, vì rõ ràng rằng tổng cung hàng hóa trong niên độ bằng với tổng số giá trị hàng hóa trong nước sản xuất ra cộng với lượng hàng nhập khẩu. Tổng cung hàng hóa này chỉ có thể sử dụng trong 3 việc: xuất khẩu, tiêu dùng và đầu tư.

Trường hợp xuất khẩu bằng với nhập khẩu hoặc sai biệt không đáng kể, thu và chi ngoại tệ bù trừ với nhau và phương trình (1) có dạng rút gọn sau đây:

$$\text{GDP} = \text{Tiêu Dùng} + \text{Đầu Tư} \quad (2)$$

Dạng đơn giản của phương trình (2) cho thấy GDP (hay là tổng trị giá hàng sản xuất trong nước) chỉ có thể dùng trong 2 việc, hoặc là tiêu dùng hoặc là đầu tư, ngoài ra không còn cách sử dụng nào khác.

Trong thời gian ngắn hạn độ 1 năm, GDP không thể tăng nhiều quá 5-12%. Vì vậy, chúng ta chỉ có khả năng tăng đầu tư bằng cách cắt xén tiêu dùng, hoặc muốn tăng tiêu dùng, bắt buộc phải cắt xén đầu tư. Muốn thực hiện công nghiệp hoá, phải tăng tối đa đầu tư, trong khả năng có thể làm được. Vì vậy, cần phải cắt giảm tiêu dùng để có thể tăng đầu tư.

Để có một cái nhìn chi tiết hơn, nên phân tích Tiêu Dùng thành các thành phần của nó.

$$\text{Tiêu Dùng} = \text{Tiêu dùng quốc phòng} + \text{Tiêu dùng hành chính} + \text{Tiêu dùng tối thiểu xã hội} + \text{Tiêu dùng xa xỉ} \quad (3)$$

Trong thời gian chiến tranh cứu nước, tiêu dùng quốc phòng của nước ta ước khoảng 30-40% GDP. Nhờ tập trung nội lực tối đa như trên cho quốc phòng, quân đội nhân dân Việt Nam đã có khả năng thắng giặc ngoại xâm. Tuy nhiên, do tiêu dùng quốc phòng quá cao như trên (so với Nhật 1% GDP, Mỹ khoảng 7%, Anh Pháp khoảng 4-5%) nên thời gian 1945 đến 1975 Việt Nam chỉ có thể dành một bách phân nhỏ của GDP để đầu tư và nâng cao mức sống.

Hiện nay, Việt Nam chung sống hòa bình với tất cả các nước trên thế giới. Mặt khác, quân đội Việt Nam chỉ có nhiệm vụ bảo vệ quốc gia và không xâm lược hay can thiệp vào nội bộ bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Việc tổ chức một quân đội chỉ có nhiệm vụ giữ nước ít tốn kém hơn nhiều so với việc tổ chức một quân đội nhằm vào mục tiêu can thiệp vào các nước khác. Do đó, tình hình hiện nay cho phép duy trì một tỷ lệ chi tiêu quốc phòng vừa phải.

Tiêu dùng hành chính của chánh quyền được diễn tả bằng số cán bộ công nhân viên ăn lương nhà nước. Ở trên, chúng tôi đã trình bày tiêu dùng quốc phòng của Nhật chỉ là 1% GDP. Người Nhật cũng có 1 đạo quân cán bộ công nhân viên nhất trên dân số, so với các nước Anh, Pháp và Mỹ. Ở nước ta, Thủ Tướng Võ Văn Kiệt đặc biệt chú ý đến việc cắt giảm cán

chưa sản xuất được, khiến cho Việt Nam phải vay nợ, và một phần nợ quốc tế đã được dùng để nhập khẩu hàng tiêu dùng thay vì đầu tư. Theo các số liệu thống kê vào các năm xây dựng thủy điện Hòa Bình và Trị An, toàn quốc nhập khẩu khoảng 2.500 triệu USD - Rúp / năm, trong số 600-700 triệu dành cho việc nhập khẩu các thiết bị toàn bộ, (23% trị giá nhập khẩu) phần còn lại 77% dùng để nhập khẩu xăng dầu, phân bón và hơn 1 triệu tấn lương thực thực phẩm. Nay chúng ta nhập khẩu đến khoảng 13-14 tỷ USD năm, trong số nhập khẩu này máy móc chỉ khoảng 2 tỷ USD (15%), còn 85% (trên 11 tỷ USD) dùng để nhập khẩu các hàng tiêu dùng, trong khi chúng ta hiện nay không phải mua lương thực, thực phẩm như các năm 80. Tóm lại, các năm 80, xe ô tô du lịch, xe gắn máy, TV màu là những sản phẩm rất hiếm,

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. LÊ KHOA

bộ công nhân viên, Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn trên 5.000.000 người ăn lương hay trợ cấp của nhà nước. Do đó, vấn đề là làm sao giảm được biên chế cán bộ công nhân viên và đồng thời tăng thêm hiệu quả của bộ máy hành chính quốc gia.

Tiêu dùng quốc phòng hay tiêu dùng hành chính chỉ chiếm tỷ lệ bách phân không quá cao trong việc sử dụng GDP, điều đáng quan tâm hiện nay là tiêu dùng tối thiểu xã hội và tiêu dùng xa xỉ.

Tiêu dùng tối thiểu xã hội của nhân dân Việt Nam hiện nay rất thấp, do thu nhập đầu người trung bình thấp, không quá 300 USD/người năm. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm là cơ cấu sản xuất quốc gia chỉ sản xuất chủ yếu là các nông khoáng sản hoặc hàng công nghiệp cấp thấp, trong khi tiêu dùng lại hướng về các hàng công nghiệp cấp cao trong nước

có tiền cũng chưa chắc mua được, thì ngày nay, hầu như gia đình trung lưu nào cũng có.

Theo lý luận kích cầu, tiêu dùng xa xỉ, nếu sản phẩm xa xỉ được sản xuất trong nước, sẽ có tác dụng làm tăng GDP và thu nhập. Điều này đúng ở các nước tư bản phát triển, vì tiêu dùng các hàng công nghiệp cấp cao chỉ được tiến hành sau khi đã sản xuất được những hàng này. Vì vậy, việc xuất hiện các sản phẩm mới này của xã hội công nghiệp gây tác dụng kích cầu rất mạnh và làm tăng mạnh GDP của các nước tư bản phát triển. Vào khoảng các năm 50, GDP đầu người ở các nước tư bản phát triển cũng không cao hơn bao nhiêu các nước đang phát triển bậc trung hiện nay, chỉ đạt khoảng vài ngàn USD đầu người. Chính là nhờ sự xuất hiện các sản phẩm mới như TV màu, xe ô tô có trang bị máy lạnh, máy vi tính,

các thuốc trụ sinh, các sản phẩm mới khác tạo tác dụng kích cầu rất mạnh, nên GDP của các nước phát triển mới lên đến 20 - 30.000 USD đầu người như hiện nay, Trái lại, ở Việt Nam hiện nay cũng như đa số các nước đang phát triển, tiêu dùng hàng công nghiệp cấp cao lại đi trước việc sản xuất. Các hàng công nghiệp mới này đã trở thành hàng tiêu dùng thông thường hàng này và đang có nhu cầu bán tháo đi để sản xuất hàng loạt các hàng mới mẫu mã tốt hơn các hàng cũ. Các nước phát triển cũng có nhu cầu bán tháo các sản phẩm cũ sản xuất các mặt hàng đã lạc hậu không còn bán được. Chính vì vậy, các nước phát triển đã để nghị cung cấp cho các nước đang phát triển tín dụng lãi suất thấp để nhập khẩu hàng công nghiệp và tín dụng đầu tư để nhập khẩu các nhà máy lạc hậu. Hoặc nếu các nước đang phát triển đồng ý, các nước phát triển sẽ đầu tư trực tiếp bằng cách tháo gỡ các nhà máy lạc hậu không còn dùng được vào việc gì đem sang các nước phát triển lắp ráp lại với vốn cho vay hay viện trợ.

Tình trạng trên khiến cho cân thương mại luôn khiêm hụt. Từ 1990 đến nay, Việt Nam đã tăng gia xuất khẩu từ 2 tỷ USD lên khoảng 13-14 tỷ USD/năm. Tuy nhiên, sự tăng gia xuất khẩu trên đây, được thực hiện chủ yếu bằng việc xuất khẩu dầu thô và các nông khoáng sản, thủy sản và hàng công nghiệp cấp thấp (như hàng may mặc) vẫn không đủ để đài thọ và thỏa mãn nhu cầu nhập khẩu các hàng công nghiệp cấp cao. Còn đầu tư quốc tế, do thực hiện với kỹ thuật cũ nên không cho hiệu quả cao. Cân thương mại luôn thiếu hụt và nợ quốc tế tăng với tốc độ trên dưới khoảng 2 tỷ USD/năm. Ước chúng ta nợ quốc tế khoảng 15 tỷ USD chưa kể nợ Liên Xô cũ chưa thanh toán dứt khoát.

Từ đó, để công nghiệp hoá hiện đại hoá nền kinh tế quốc gia, cần phải hạn chế việc nhập khẩu hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao và dùng số ngoại tệ đổi ra nhờ việc tiết kiệm, thắt lưng buộc bụng này để nhập khẩu một số máy móc hiện đại, tự sản xuất lấy các hàng tiêu dùng cấp cao đang phải nhập khẩu hiện nay. Nếu làm được việc này thì việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá tiến hành không khó. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng công việc này rất khó, áp lực tiêu dùng hàng cấp cao rất mạnh trong các tầng lớp nhân dân và theo

kinh tế thị trường, ai có tiền cũng có thể mua hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao và các nhà nhập khẩu sẵn sàng giao hàng trước, lấy tiền góp sau.

Giải pháp cực đoan - cấm hoàn toàn việc nhập khẩu hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao - không có tính thực tế. Giải pháp "tiếp tục nền kinh tế thị trường" và "tự do nhập khẩu các hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao" cũng không hợp lý vì nó gây nản chầy mầu ngoại tệ và vô hiệu hóa chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc gia, làm nợ quốc tế tăng mau và nếu tiếp tục dài lâu sẽ đưa đến việc nợ quốc tế tăng dẫn đến mức không trả nổi với những hậu quả khó lường như cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế Thái Lan đã chỉ rõ. Giải pháp trung gian - chấp thuận nhập khẩu một số hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao với mức độ hạn chế, đồng thời đánh thuế cao trên các hàng nhập khẩu này để tạo nguồn thu thuế cho nhà nước và bảo vệ hàng nội có khả năng chấp thuận được. Với giải pháp này, sẽ cố gắng quản bình được cân thương mại và đồng thời dành được 2 - 4 tỷ USD/năm để đưa số nhập khẩu thiết bị toàn bộ lên 4-6 tỷ USD năm thay vì 2 tỷ USD năm như hiện nay. Như vậy, tiêu dùng hàng công nghiệp cấp cao vẫn được thỏa mãn phần nào và sẽ có đủ ngoại tệ để thực hiện chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Phương pháp dồn đầu tư cho mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Tổng đầu tư của ta vừa thấp (khoảng 18-20% GDP- ước 4-5 tỷ USD) vừa phân tán ra quá nhiều mục tiêu vì xét ra mục tiêu nào cũng cấp bách cả như trồng rừng, ưu tiên cho nông nghiệp, cho giao thông vận tải, (đường Trường Sơn), cho các khu công nghiệp, khu dân cư, cho du lịch, cho việc xây dựng nhà ở, cho giáo dục, cho việc xóa đói giảm nghèo, chỉnh trang các đô thị.

Trong phần 1 chúng tôi đã bàn đến việc hạn chế tiêu dùng, đặc biệt là việc hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao phải nhập khẩu để đổi ra 2 - 4 tỷ USD năm hầu đưa đầu tư của Việt Nam lên 30-35% GDP. Trong phần này chúng tôi xin bàn đến việc tập trung đầu tư trong việc tự sản xuất lấy các hàng tiêu dùng cấp cao đang phải nhập khẩu, việc thiết lập một KVSX I chuyên sản xuất lấy các máy ở Việt Nam.

$GDP = \text{Hàng Tiêu Dùng} + \text{Máy Móc}$ (4)

Phương trình 4 này chỉ là việc trình bày thu gọn, chia nền kinh tế làm 2 khu vực: khu vực 1 sản xuất các máy còn khu vực 2 sản xuất hàng tiêu dùng. Ở Việt Nam, hầu như KVSX I chưa được tổ chức nên phần lớn các

máy đều nhập khẩu từ nước ngoài. Kinh nghiệm cho thấy các máy nhập khẩu thường xấu, cũ, được tân trang lại và thuộc các thế hệ 20-30 năm về trước, như vậy việc công nghiệp hoá không có tính hiện đại và các nhà máy mới thiết lập ở nước ta chỉ làm ra các sản phẩm cũ, giá cao và không cạnh tranh các hàng nhập khẩu. Mặt khác nếu đưa đầu tư lên 30-40 GDP thì thị trường các máy sẽ rất lớn ở Việt Nam. Thị trường này ước khoảng 5 - 7 tỷ USD và có khuynh hướng tăng nhanh. Muốn đạt tốc độ tăng GDP khoảng 12% trở lên, phải tự sản xuất lấy các máy vì máy móc thiết bị là một thị trường rất lớn. Vậy phải dồn đầu tư cho việc thiết lập KVSX I.

Thứ hai là tập trung đầu tư để sản xuất các hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao đang phải nhập khẩu. Mỗi năm, cần đặt kế hoạch lập một số nhà máy sản xuất một số mặt hàng thay hàng ngoại, tỷ dụ năm thứ nhất sản xuất một số bộ phận rời xe gắn máy, năm thứ hai một số bộ phận rời máy vi tính v.v... Khi chương trình này được thi hành, mỗi năm sẽ có biến chuyển lớn trong cân thương mại vì sẽ giảm được việc nhập khẩu các hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao đang phải nhập khẩu, đồng thời cũng xuất hiện khả năng tăng xuất khẩu những hàng công nghiệp tiêu dùng cấp cao này, như vậy kim ngạch xuất nhập khẩu sẽ tăng nhanh và có biến đổi về cơ cấu: từ nước xuất khẩu nông khoáng sản thô, giá rẻ bấp bênh và nhập khẩu hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao với giá đắt chúng ta sẽ dần dần trở thành nước xuất khẩu hàng tiêu dùng công nghiệp cấp cao với giá cao và nhập khẩu nông khoáng sản với giá thấp. Như vậy, sẽ hoàn thành nhiệm vụ xuất siêu và thanh toán dứt khoát được nợ quốc tế, bảo đảm được quyền độc lập tự chủ nền kinh tế quốc gia.

Chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên đây được thực hiện bằng chiến thuật đánh thẳng vào mục tiêu: bỏ qua các giai đoạn trung gian và tiến thẳng vào cốt lõi của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là thực hiện ngay các nhà máy cấp cao do người Việt Nam làm chủ như bộ phận rời của xe ô tô, máy vi tính, xe gắn máy. Sau khi chiếm được thành trì cốt lõi của hiện đại hoá trên đây, các mặt trận phụ như xóa đói giảm nghèo, việc nhà nông trồng mùa nhưng không vui sẽ được giải quyết dễ dàng, vì khu vực công nghiệp cấp cao có khả năng cung cấp việc làm cho mọi người với lương cao và những công nhân này sẽ dùng lương cao của mình mua các sản phẩm nông nghiệp với giá cao ■